



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (tiếng Anh viết tắt MSDS từ Material Safety Data Sheet)		LOGO CÔNG TY	
MSDS - Toluene			
Số CAS : 108-88-3			
Số UN : 1294			
Số đăng ký EC: 203-625-9			
Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): 3-Chất lỏng dễ cháy			
Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có)			
Phần I – Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp			
- Tên thường gọi: Toluen		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại: Toluene			
- Tên khác (không là tên khoa học): Anisen; Phenylmethane; Toluol			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC Trụ sở tại: Nhà số 9, Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: 0833299222 Email: hoachatthinhphuc@gmail.com		<i>Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:</i> CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC Trụ sở tại: Nhà số 9, Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: 0833299222 Email: hoachatthinhphuc@gmail.com	
Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Trung Quốc			
- Mục đích sử dụng: dùng trong phòng thí nghiệm và một số ngành công nghiệp khác.			
Phần II – Thông tin về thành phần nguy hiểm			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hoá học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Toluene	108-88-3	C_7H_8	$\leq 99.9\%$
Phần III – Nhận dạng nguy hiểm			
1. Mức xếp loại nguy hiểm: (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): Chất lỏng dễ cháy và nguy hiểm			
<ul style="list-style-type: none"> - Chất lỏng dễ cháy loại 2 - Độc tính cấp tính - đường tiêu hóa loại 5 - Độc tính cấp tính - tiếp xúc với da loại 5 - Độc tính cấp tính - đường hô hấp loại 5 - Ăn mòn da làm rát da loại 2 - Tổn thương mắt nghiêm trọng/ kích thích mắt loại 2b - Độc hại đối với sinh sản loại 2 - Độc tính tới các cơ quan đặc biệt của cơ thể (tiếp xúc một lần) loại 3, các ảnh hưởng gây nghiện. - Độc tính tới các cơ quan đặc biệt của cơ thể (tiếp xúc lặp lại) loại 2, hệ thống giác - Độc tính hô hấp loại 1 			
Các thành phần đánh dấu theo hệ thống đồng nhất toàn cầu (GHS)			
Hình đồ cảnh báo nguy cơ			
			

Lời cảnh báo Nguy hiểm

2. Cảnh báo nguy hiểm:

- Cháy, nổ, hoặc độc khi tiếp xúc: Gây nguy hiểm đến khi mạng khi uống nhầm và gây bỏng cho mắt, da, gây kích ứng đường hô hấp nếu để dung dịch tiếp xúc với các bộ phận trên.
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Rửa tay sạch sẽ sau khi sử dụng, Lưu giữ trong khu vực thông thoáng, khô ráo, mát mẻ, giữ kín thùng, Tránh xa tầm tay trẻ em.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Gây bỏng lên mắt.
- Đường thở: Gây kích ứng cho đường hô hấp. Gây mệt mỏi, buồn nôn, khó chịu.
- Đường da: Gây bỏng da.
- Đường tiêu hoá: Gây nguy hiểm.

Phần IV – Biện pháp sơ cứu khi gặp nạn

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Tìm ngay bác sĩ. Rửa nước, cố gắng mở to mắt. Tìm hướng dẫn của bác sĩ.
2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Tìm ngay bác sĩ. Rửa nhiều nước và xả phòng, thay quần áo và giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại.
3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc qua đường hô hấp (hít thở phải hoá chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Ra khỏi khu vực bị nạn. Nếu không thở được, làm hô hấp nhân tạo cho người bị nạn. Nếu thấy khó thở cho người bị nạn thở oxy.
4. Đường tiêu hoá (ăn, uống nuốt nhầm hoá chất): Không nên gây nôn. Uống nhiều nước, không cho người bị nạn uống bất kỳ thức uống gì và đi đến bác sĩ ngay.
5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

Phần V – Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy: dễ cháy
2. Sản phẩm tạo ra khi cháy: CO và/hoặc CO₂.
3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát): Sự phóng tĩnh điện; lửa trần; tia lửa. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Hoá chất khô, CO₂, xịt nước, mút, đất, cát.
4. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Vòi phun nước, mặt nạ, găng tay, ủng.
5. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Phần VI – Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức độ nhỏ: Thu gom hoá chất bị rò rỉ càng sớm càng tốt. Phần còn lại dùng nước làm ẩm hay hút bụi. Không được thải ra cống rãnh.
2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Thu gom hoá chất bị rò rỉ càng sớm càng tốt. Phần còn lại dùng nước làm ẩm hay hút bụi. Không được thải ra cống rãnh.

Phần VII – Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hoá chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): Rửa sạch tay sau khi sử dụng, sử dụng trong khu vực thông thoáng, giữ kín thùng chứa dung dịch, không để dung dịch dây vào mắt, da và quần áo. Tránh hít, thở làn hơi hóa chất.
2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung): Giữ kín thùng. Lưu giữ trong khu vực thông thoáng, khô ráo. Tránh xa tầm tay trẻ em. Tránh xa các nguồn nhiệt, điện. Lưu giữ hoá chất ở khu vực riêng biệt.

Phần VIII – Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời gian làm việc): Khẩu trang, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ lao động.

Vật liệu	Nguồn	Loại	ppm	mg/m ₃	Chú giải
Toluene	ACGIH	TWA	50 ppm		

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc:

- Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ.
- Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ.

- Bảo vệ tay: Đeo găng tay.
 - Bảo vệ chân: Mang ủng.
 - Bảo vệ đường hô hấp: Đeo khẩu trang
3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Mặt nạ phòng khí độc, găng tay, ủng.
 4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc): Rửa tay sạch sẽ sau khi sử dụng, thay quần áo, giày dép bị hoá chất dấy vào và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Phần IX – Đặc tính hoá lý

Trạng thái vật lý: lỏng	Điểm sôi: 111°C
Màu sắc: không màu	Điểm nóng chảy: -95°C
Mùi đặc trưng: có mùi thơm	Điểm bùng cháy: 64°C
áp suất hoá hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 40 tại 39°C	Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có thông tin
Tỉ trọng hơi (không khí =1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 1.04	Giới hạn nồng độ cháy, nổ (trên): 70%
Độ hoà tan trong nước: 0.05g/100ml at 200C	Giới hạn nồng độ cháy, nổ (dưới): 7%
Độ pH: không có thông tin	Tỉ lệ hoá hơi: 1
Khối lượng riêng: 92.14 g/mol	Các chỉ tiêu khác: Không có thông tin

Phần X – Tính ổn định và khả năng phản ứng

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với các tác nhân ma sát, va đập...): ổn định dưới nhiệt độ và áp suất bình thường.
2. Khả năng phản ứng:
 - Phản ứng phân huỷ & sản phẩm của phản ứng phân huỷ: CO...
 - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Nhiệt, lửa ngọn, các chất dễ cháy.
 - Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung: Các chất oxy hoá mạnh, Aniline, Phenol, Isocyanates, Acid anhydrides, các axit, các bazo mạnh, các amines, chất hầm...
 - Phản ứng trùng hợp: Không có thông tin.

Phần XI – Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Toluene		636mg/kg thể trọng	ăn uống	Chuột
	LD50	12124mg/kg thể trọng	Tiếp xúc qua da	Chuột
	LC50	mg /m ³	Hô hấp	Chuột
	OSHA PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép	100ppm (TWA)		
	Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn cho phép	150ppm (STEL)		

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (ung thư, độc sinh sản..): **Khả năng gây ung thư:** Không gây ung thư (thí nghiệm trên động vật).

Độc hại đối với sinh sản và phát triển: Gây độc cho bào thai trên động vật ở những liều lượng đủ gây độc trên cơ thể mẹ.

2. Các ảnh hưởng độc khác:

Mức độ độc hại cấp tính - đường hô hấp: Xếp loại là độc hại bởi European Commission. Nồng độ cao có thể gây suy yếu hệ thần kinh trung ương dẫn đến đau đầu, chóng mặt, nôn ói. **Mức độ độc hại cấp tính - đường miệng:** Trong khi nuốt vào hay ói ra, nếu hít vào phổi có thể gây viêm phổi do chất hóa học và nguy hiểm đến tính mạng.

Bào mòn / kích ứng da: Kích ứng da.

Kích ứng mắt: Kích ứng mắt vừa phải, nhưng chưa đủ cơ sở để xếp loại.

Kích ứng hô hấp: Hít vào hơi hay sương có thể gây kích ứng hệ hô hấp

Mức độ nhạy cảm: Không là chất nhạy cảm đối với da.

Liều độc tính lặp lại:

- Có ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương,
- Có ảnh hưởng đến hệ hô hấp (chỉ thấy ở những liều cao),
- Có ảnh hưởng đến thị giác (có thể làm giảm khả năng phân biệt màu sắc, nhưng chưa được khẳng định)

có khả năng dẫn đến mù màu)

- Tiếp xúc lặp lại và kéo dài với nồng độ cao dẫn đến điếc ở chuột. sử dụng không đúng cách hoặc tương tác tiếng ồn trong môi trường làm việc có thể gây điếc.

Thông tin thêm: Tiếp xúc ở nồng độ rất cao với những hóa chất tương tự có thể dẫn đến nhịp tim đập bất thường và ngừng đập

Phần XII – Thông tin về sinh thái môi trường

1. Độc tính với sinh vật:

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Toluene	Cá	96 giờ LC50	8100ug/L (chết)

2. Tác động trong môi trường

Mức độ phân hủy sinh học: Dễ phân hủy thỏa mãn các tiêu chuẩn window 10 ngày.

Ôxy hóa nhanh bằng các phản ứng quang hóa trong không khí.

Chỉ số BOD và COD: Chưa có thông tin

Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Chưa có thông tin

Mức độ tích tụ của sản phẩm phân hủy sinh học: Chưa có thông tin




Độ linh động: Nổi trên mặt nước. Nếu sản phẩm đi vào đất, chúng sẽ có khả năng linh động và có thể làm ô nhiễm nước ngầm.

Nguy cơ gây tích lũy sinh học: Không tích lũy hóa sinh đáng kể.

Phần XIII – Biện pháp và qui định về tiêu hủy hoá chất

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Tiêu hủy theo quy định của địa phương
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Chưa có thông tin.
3. Biện pháp tiêu hủy: Thu hồi hoặc tái chế nếu có thể.
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Chưa có thông tin.

Phần XIV – Qui định về vận chuyển

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biên	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyên	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa;	1294	Toluene	3-Chất lỏng dễ cháy	500ml/chai		 Xếp hàng theo chiều mũi tên
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA... - Quốc tế: Nước, I.M.O	1294	Toluene	Code 3/III Theo IMDG			

Phần XV – Thông tin về pháp luật

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Sản phẩm được phân loại nguy hiểm theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia, đăng ký: 3-Chất lỏng dễ cháy

- Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 5507:2002

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số: 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một

số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số: 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công thương Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Quy chuẩn Việt Nam: QCVN 05:2020/BCT. Thông tư số: 48/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2020 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.

- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.

Phần XVI – Thông tin khác

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/07/2024

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức soạn thảo: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hóa Chất Thịnh Phúc**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong phiếu nay có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

(Ban hành kèm theo Phụ lục 9, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất)